

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
XỔ SỐ KIẾN THIẾT TUYÊN QUANG**

*Báo cáo tài chính
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
đã được kiểm toán*



MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 2
Báo cáo Kiểm toán độc lập	3 - 4
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7 - 8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 22



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết Tuyền Quang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

CÔNG TY

Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết Tuyền Quang là công ty TNHH 100% vốn Nhà nước được chuyển đổi từ Công ty Xổ số Tuyền Quang thành Công ty TNHH Một thành viên theo Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 15 tháng 04 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyền Quang. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Đăng ký thuế số 5000123794 ngày 22 tháng 04 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tuyền Quang cấp lần đầu. Đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 09 tháng 09 năm 2019.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 9.000.000.000 VND (Chín tỷ đồng).

Tên đại diện Chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyền Quang.

Trụ sở hoạt động: Số 117, đường Lê Lợi, Tổ 10, phường Tân Quang, thành phố Tuyền Quang, tỉnh Tuyền Quang.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh là:

STT	Tên Ngành	Mã ngành
1	Hoạt động xổ số, cá cược và đánh bạc: Chi tiết: Kinh doanh các loại hình xổ số (Doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đã có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	9200 (chính)
2	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch Chi tiết: Tổ chức tua du lịch nội địa.	7920
3	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách theo hợp đồng.	4932

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

BAN GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

Thành viên Ban Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm và tại thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Vương Trọng Khánh	Giám đốc	
Ông Lê Sơn Đông	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 01/07/2022
Ông Lương Việt Hân	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm từ ngày 30/03/2023.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT TUYỀN QUANG

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế PNT (PNT Audit) đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty. PNT Audit bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập cho Công ty trong những năm tiếp theo.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tuyên Quang, ngày 12 tháng 01 năm 2025

TM Ban Giám đốc

Giám đốc



Vương Trọng Khánh

Số: 12/2025/BCTC-PNT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Ban Giám đốc
Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiên thiết Tuyên Quang

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiên thiết Tuyên Quang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 12 tháng 01 năm 2025 từ trang 5 đến trang 23 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết Tuyên Quang tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Công ty đang trong quá trình thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan đến điều chỉnh đăng ký doanh nghiệp do tăng vốn điều lệ và bổ nhiệm nhân sự mới vị trí Chủ tịch Công ty.

Hà Nội, ngày 14 tháng 02 năm 2025

Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế PNT



Giám đốc

Khương Tất Thành

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0410-2023-136-1

Kiểm toán viên

Đặng Hải Hà

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 2558-2023-136-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		11.756.792.851	14.874.311.997
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.182.754.645	2.189.002.355
1. Tiền	111	V.1	1.182.754.645	2.189.002.355
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	9.610.053.808	11.105.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		9.610.053.808	11.105.000.000
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		685.631.023	683.039.063
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	134.034.029	157.884.679
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3b	338.205.139	330.947.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	213.391.855	194.207.384
IV- Hàng tồn kho	140		222.739.318	213.461.646
1. Hàng tồn kho	141	V.5	222.739.318	213.461.646
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		55.614.057	683.808.933
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.9b	55.614.057	683.808.933
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		9.605.779.387	9.714.280.631
I- Các khoản phải thu dài hạn	210			
II- Tài sản cố định	220		7.935.326.248	8.334.969.331
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	7.901.777.864	8.266.754.279
- Nguyên giá	222		12.087.447.863	11.928.447.863
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.185.669.999)	(3.661.693.584)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	33.548.384	68.215.052
- Nguyên giá	228		698.600.000	698.600.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(665.051.616)	(630.384.948)
III- Bất động sản đầu tư	230			
IV- Tài sản dở dang dài hạn	240		639.768.182	639.768.182
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		639.768.182	639.768.182
V- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250			
VI- Tài sản dài hạn khác	260		1.030.684.957	739.543.118
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	1.030.684.957	739.543.118
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		21.362.572.238	24.588.592.628



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT TUYỀN QUANG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A- NỢ PHẢI TRẢ	300		9.362.572.238	12.588.592.628
I- Nợ ngắn hạn	310		8.689.072.238	11.921.592.628
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311		38.170.591	139.189.591
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		951.333.358	995.759.444
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9a	1.508.756.676	1.377.195.613
4. Phải trả người lao động	314		315.142.935	754.424.519
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.10a	954.352.179	2.539.460.816
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.11	3.936.247.778	5.264.081.578
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		985.068.721	851.481.067
II- Nợ dài hạn	330		673.500.000	667.000.000
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.10b	673.500.000	667.000.000
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		12.000.000.000	12.000.000.000
I- Vốn chủ sở hữu	410	V.12	12.000.000.000	12.000.000.000
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		12.000.000.000	12.000.000.000
II- Nguồn kinh phí, quỹ khác	430			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		21.362.572.238	24.588.592.628

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
5. Công cụ, dụng cụ lâu bền đang sử dụng		3.967.435.128	3.671.601.003
6. Tài sản, giấy tờ có giá nhận thế chấp		450.000.000	451.500.000
8. Doanh số phát hành xổ số kiến thiết		9.717.210.000	9.006.820.002

Tuyên Quang, ngày 12 tháng 01 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nea Lê Ng.

Lương Việt Hoàn



Vương Trọng Khánh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu	01	VI.1	77.604.387.497	69.866.029.796
1.1. Doanh thu kinh doanh xổ số	01.1		77.600.436.365	69.862.077.270
1.1.1. Xổ số truyền thống	01.1.1		8.833.827.272	8.188.018.182
1.1.2. Xổ số cào	01.1.2			
1.1.3. Xổ số bốc	01.1.3		2.318.118.181	1.954.545.454
1.1.4. Xổ số lô tô	01.1.4		46.972.518.183	42.574.977.271
1.1.5. Xổ số lô tô 3/23	01.1.5		1.315.272.728	960.554.545
1.1.6. Xổ số lô tô cặp số	01.1.6		18.160.700.001	16.183.981.818
1.2. Doanh thu kinh doanh khác	01.2		3.951.132	3.952.526
2. Các khoản giảm trừ	02	VI.2	10.121.796.050	9.112.444.869
2.1. Giảm trừ doanh thu kinh doanh xổ số	02.1		10.121.796.050	9.112.444.869
2.1.1. Xổ số truyền thống	02.1.1		1.152.238.340	1.068.002.369
2.1.2. Xổ số cào	02.1.2			
2.1.3. Xổ số bốc	02.1.3		302.363.241	254.940.713
2.1.4. Xổ số lô tô	02.1.4		6.126.850.200	5.553.257.907
2.1.5. Xổ số lô tô 3/23	02.1.5		171.557.312	125.289.726
2.1.6. Xổ số lô tô cặp số	02.1.6		2.368.786.957	2.110.954.154
2.2. Giảm trừ doanh thu khác	02.2			
3. Doanh thu thuần	10	VI.3	67.482.591.447	60.753.584.927
3.1. Doanh thu thuần kinh doanh xổ số	10.1		67.478.640.315	60.749.632.401
3.1.1. Xổ số truyền thống	10.1.1		7.681.588.932	7.120.015.813
3.1.2. Xổ số cào	10.1.2			
3.1.3. Xổ số bốc	10.1.3		2.015.754.940	1.699.604.741
3.1.4. Xổ số lô tô	10.1.4		40.845.667.983	37.021.719.364
3.1.5. Xổ số lô tô 3/23	10.1.5		1.143.715.416	835.264.819
3.1.6. Xổ số lô tô cặp số	10.1.6		15.791.913.044	14.073.027.664
3.2. Doanh thu thuần kinh doanh khác	10.2		3.951.132	3.952.526
4. Chi phí kinh doanh	11	VI.4	54.431.906.945	48.549.179.814
4.1. Chi phí kinh doanh xổ số	11.1		54.431.906.945	48.549.179.814
4.1.1. Chi phí trả thưởng	11.1.1		44.481.136.153	39.804.135.490
4.1.2. Chi phí trực tiếp phát hành xổ số	11.1.2		9.950.770.792	8.745.044.324
4.2. Giá vốn hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ đã bán	11.2			
5. Lợi nhuận gộp	20		13.050.684.502	12.204.405.113
5.1. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh xổ số	20.1		13.046.733.370	12.200.452.587
5.2. Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	20.2		3.951.132	3.952.526

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỞ KIẾN THIẾT TUYỀN QUANG


Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	559.001.502	924.468.238
7. Chi phí tài chính	22		29.217.808	920.548
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>29.217.808</i>	<i>920.548</i>
8. Chi phí bán hàng	24	VI.8a		
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.8b	11.451.958.669	11.640.782.662
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.128.509.527	1.487.170.141
11. Thu nhập khác	31	VI.6	76.883.500	198.903.868
12. Chi phí khác	32	VI.7	58.931.294	112.620.058
13. Lợi nhuận khác	40		17.952.206	86.283.810
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.146.461.733	1.573.453.951
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	440.804.583	337.198.400
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		1.705.657.150	1.236.255.551

Tuyên Quang, ngày 12 tháng 01 năm 2025

Người lập biểu


Nguyễn Lê Ngọc

Kế toán trưởng


Lê Thị Hậu

Giám đốc




Vương Trọng Khánh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp trực tiếp)
 Năm 2024

Đơn vị tính: VND


Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp DV và doanh thu khác	01		85.784.115.388	77.239.329.885
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(5.445.549.094)	(4.912.424.615)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(5.319.598.580)	(5.482.329.174)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(29.217.808)	(920.548)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(413.927.256)	(422.780.213)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		5.597.474.391	3.175.749.550
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(82.059.173.652)	(71.473.216.861)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1.885.876.611)	(1.876.591.976)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(159.000.000)	(189.537.000)
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(9.500.000.000)	(11.105.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		9.979.627.399	12.637.839.452
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		559.001.502	982.841.887
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		879.628.901	2.326.144.339
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		2.050.000.000	400.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.050.000.000)	(400.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40			
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(1.006.247.710)	449.552.363
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2.189.002.355	1.739.449.992
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		1.182.754.645	2.189.002.355

Tuyên Quang, ngày 12 tháng 01 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc


 Nguyễn Thị Ngọc


 Lương Việt Hoàn



Trương Trọng Khánh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết Tuyên Quang là công ty TNHH 100% vốn Nhà nước được chuyển đổi từ Công ty Xổ số Tuyên Quang thành Công ty TNHH Một thành viên theo Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 15/04/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Đăng ký thuế số 5000123794 ngày 22/04/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tuyên Quang cấp lần đầu. Đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 09/09/2019.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty là: Kinh doanh các loại hình xổ số.

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh là:

STT	Tên Ngành	Mã ngành
1	Hoạt động xổ số, cá cược và đánh bạc. Chi tiết: Kinh doanh các loại hình xổ số (Doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đã có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	9200 (chính)
2	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch. Chi tiết: Tổ chức tua du lịch nội địa.	7920
3	Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Vận tải hành khách theo hợp đồng.	4932

4. Tổng số công nhân viên và người lao động

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 41 cán bộ công nhân viên.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính; Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 168/2009/TT-BTC ngày 19/08/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn kê toán áp dụng đối với Công ty xổ số kiến thiết.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ trên máy vi tính.

31021
CÔP
KÁCH NI
IỂM TO
F
DANG I

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của Công ty, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015.

Các khoản tương đương tiền là khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại ngày kết thúc năm tài chính.

2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo hợp đồng và ghi nhận theo số lượng và giá trị vé xuất cho khách hàng (đại lý).

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và hợp đồng kinh tế.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thành phẩm tồn kho được xác định theo phương pháp đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém, mất phẩm chất là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, được trích lập phù hợp với quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty thực hiện trích khấu hao tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 và các thông tư sửa đổi, bổ sung số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao TSCĐ được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc: 05 - 10 năm
- Máy móc, thiết bị: 05 - 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn: 06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý: 03 - 05 năm
- Phần mềm Xổ số lô tô: 03 năm

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT TUYỀN QUANG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc.

6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn và bản thân công cụ, dụng cụ tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh trên một năm tài chính;
- Chi phí trả trước phục vụ cho hoạt động kinh doanh của nhiều năm tài chính;
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ phát sinh một lần có giá trị lớn Công ty không thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp tỷ lệ trên tổng số dư chi phí trả trước dài hạn. Số liệu chi tiết thể hiện trên Thuyết minh V.8b "Chi phí trả trước dài hạn" phần thuyết minh bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán.

Thời gian phân bổ được ước tính từ 1 đến 2 năm.

7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo giá trị hoá đơn mua hàng.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tiền lương

Quỹ tiền lương của viên chức quản lý chuyên trách được xác định theo Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016, còn quỹ tiền lương của người lao động được xác định theo Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản nhận ký quỹ, ký cược

Các khoản nhận ký quỹ, ký cược được ghi nhận trên cơ sở số tiền đặt cọc thực tế của các đơn vị, cá nhân bên ngoài với thời hạn từ một năm trở lên để đảm bảo cho các dịch vụ liên quan đến sản xuất, kinh doanh được thực hiện đúng hợp đồng kinh tế đã ký kết như: (nhận tiền ký cược, ký quỹ để đảm bảo việc thực hiện hợp đồng kinh tế, hợp đồng đại lý xổ số).

Mức đặt cọc đại lý xổ số năm 2024, Công ty đang áp dụng là 1.500.000 VND/đại lý với Lô tô, cặp số, vé kết hợp 3/23 và vé bóc; vé xổ số kiến thiết là 100% giá trị vé nhận bán bằng tiền mặt hoặc giấy tờ có giá.

Tổng số đại lý xổ số đang thực hiện dịch vụ là 449 đại lý.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT TUYÊN QUANG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Dự phòng rủi ro trả thưởng

Quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng sử dụng khi tỷ lệ trả thưởng thực tế trong năm lớn hơn tỷ lệ trả thưởng xây dựng hoặc kế hoạch. Trường hợp quỹ dự phòng trả thưởng không còn đủ để chi thì phần trả thưởng thực tế còn lại được tính vào chi phí kinh doanh.

Điều kiện được trích lập: Trong năm tài chính, tỷ lệ trả thưởng thực tế của Công ty Xổ số kiến thiết (giá trị trả thưởng thực tế trên doanh thu có thuế từ bán vé xổ số truyền thống, xổ số Lô tô, xổ số cào, bốc) nhỏ hơn tỷ lệ trả thưởng xây dựng (đối với xổ số truyền thống là 50%; xổ số cào, bốc biết kết quả ngay là 53%) hoặc tỷ lệ trả thưởng kế hoạch (đối với xổ số Lô tô là 52%).

Thời điểm trích lập: Thực hiện vào ngày 31/12 năm dương lịch hàng năm. Mức trích lập của từng loại hình xổ số được xác định theo công thức: $DP = DT \times TL - TT$, trong đó:

DP: Mức trích dự phòng trả thưởng của từng loại hình xổ số.

DT: Tổng doanh thu có thuế của từng loại hình xổ số trong năm tài chính tính đến thời điểm ngày 31/12 năm dương lịch.

TL: Tỷ lệ trả thưởng xây dựng hoặc kế hoạch trong năm theo quy định của từng loại hình xổ số.

TT: Tổng giá trị trả thưởng thực tế của từng loại hình xổ số trong năm tài chính tính đến thời điểm ngày 31/12 năm dương lịch.

Mức trích lập hàng năm phải đảm bảo tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng không được vượt quá 10% tổng doanh thu có thuế của tất cả các loại hình xổ số được phép trích lập tại thời điểm trích lập và doanh nghiệp không bị lỗ.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập năm nay.

Lợi nhuận của Công ty sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, lợi nhuận còn lại được phân phối theo hướng dẫn tại Điều 31, Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT TUYẾN QUANG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

14. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ

Các khoản giảm trừ doanh thu dùng để phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại, thuế TTĐB, thuế xuất khẩu, thuế bảo vệ môi trường. Các khoản giảm trừ này không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

15. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ được ghi nhận đúng kỳ và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Công ty ghi nhận vào giá vốn hàng bán (nếu có):

- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí kinh doanh

Chi phí kinh doanh bao gồm chi phí trả thưởng và chi phí trực tiếp phát hành xổ số.

Các khoản chi phí kinh doanh được ghi nhận là số tiền đã trả thưởng cho các loại vé xổ số trúng thưởng và các loại chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành xổ số trong kỳ hạch toán.

17. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, ...); Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên bộ phận quản lý; Chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; Khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận quản lý; Tiền thuê đất, thuế môn bài; Khoản dự phòng phải thu khó đòi; Dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, bảo hiểm, ...); Chi phí bằng tiền khác (chi phí hội nghị, tiếp khách, công tác phí, ...).

18. Các nghĩa vụ về thuế

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Các loại thuế, phí khác, Công ty thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

19. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan là các doanh nghiệp (kể cả Công ty mẹ, Công ty con, các Công ty con cùng tập đoàn, Công ty liên kết), các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT TUYÊNG QUANG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	284.096.229	318.978.074
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	898.658.416	1.870.024.281
Cộng	1.182.754.645	2.189.002.355

2. Các khoản đầu tư tài chính

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
a1) Ngắn hạn	9.610.053.808	9.610.053.808	11.105.000.000	11.105.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	9.610.053.808	9.610.053.808	11.105.000.000	11.105.000.000
a2) Dài hạn				
Cộng	9.610.053.808	9.610.053.808	11.105.000.000	11.105.000.000

3. Phải thu của khách hàng

a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Các đối tượng khác	134.034.029	157.884.679
Cộng	134.034.029	157.884.679

b) Trả trước người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vũ Thị Hiệp	209.635.000	203.035.000
- Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Tài nguyên Môi trường Tân Bình	18.500.000	18.500.000
- Phòng Kinh tế và Hạ tầng Chiêm Hóa	40.034.000	40.034.000
- Phòng Kinh tế và Hạ tầng Sơn Dương	68.477.000	68.477.000
- Công ty CP Giao thông số Việt Nam	1.559.139	901.000
Cộng	338.205.139	330.947.000

4. Phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	213.391.855		194.207.384	
- Ký cược, ký quỹ	81.772.282		81.772.282	
- Tạm ứng	85.600.000		62.065.000	
- Phải thu khác	45.606.054		50.030.631	
- Dự nợ phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	413.519		339.471	
b) Dài hạn				
Cộng	213.391.855		194.207.384	

5. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hoá	12.756.283		25.179.601	
Vé xổ số:	209.983.035		188.282.045	
+ Vé xổ số truyền thống	24.800.000		25.593.600	
+ Vé xổ số cào	76.495.000		45.190.000	
+ Vé xổ số bốc	73.077.535		76.708.995	
+ Vé xổ số lô tô	4.915.000		4.915.000	
+ Vé xổ số lô tô cặp	30.695.500		35.874.450	
Cộng	222.739.318		213.461.646	

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT TUYẾN QUANG
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
 Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình

CHỈ TIÊU	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý và TSCĐ khác	Cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	9.674.930.075	254.375.952	1.538.635.636	460.506.200	11.928.447.863
Mua trong năm		74.000.000		85.000.000	159.000.000
Đầu tư XDCB hoàn thành					
Tặng khác					
Chuyển sang BĐS đầu tư					
Thanh lý, nhượng bán					
Giảm khác					
Số dư cuối năm	9.674.930.075	328.375.952	1.538.635.636	545.506.200	12.087.447.863
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	(1.926.083.290)	(254.375.952)	(1.093.827.791)	(387.406.551)	(3.661.693.584)
Khấu hao trong năm	(347.769.264)	(9.097.155)	(144.261.996)	(22.848.000)	(523.976.415)
Tặng khác					
Chuyển sang BĐS đầu tư					
Thanh lý, nhượng bán					
Giảm khác					
Số dư cuối năm	(2.273.852.554)	(263.473.107)	(1.238.089.787)	(410.254.551)	(4.185.669.999)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	7.748.846.785		444.807.845	73.099.649	8.266.754.279
Tại ngày cuối năm	7.401.077.521	64.902.845	300.545.849	135.251.649	7.901.777.864

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

1.130.889.588

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỔ KIẾN THIẾT TUYẾN QUANG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

CHỈ TIÊU	Phần mềm Xổ số lô tô	Cộng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	698.600.000	698.600.000
Mua trong năm		
Số dư cuối năm	698.600.000	698.600.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	(630.384.948)	(630.384.948)
Khấu hao trong năm	(34.666.668)	(34.666.668)
Số dư cuối năm	(665.051.616)	(665.051.616)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu năm	68.215.052	68.215.052
Tại ngày cuối năm	33.548.384	33.548.384

8. Chi phí trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
b) Dài hạn	1.030.684.957	739.757.320
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	274.120.009	143.145.949
- Chi phí trả trước dài hạn	756.564.948	596.611.371
Cộng	1.030.684.957	739.757.320

9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

a) Phải nộp	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	571.922.827	7.787.617.834	7.738.629.824	620.910.837
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	571.922.827	7.787.617.834	7.738.629.824	620.910.837
Thuế tiêu thụ đặc biệt	745.080.460	10.121.796.050	10.039.561.885	827.314.625
Thuế thu nhập doanh nghiệp				
Thuế thu nhập cá nhân	8.424.144	515.573.867	505.518.193	18.479.818
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		133.042.080	133.042.080	
Lợi nhuận còn phải nộp Nhà nước	51.768.182	594.144.251	603.861.037	42.051.396
Cộng	1.377.195.613	19.152.174.082	19.020.613.019	1.508.756.676
b) Phải thu	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	82.491.384	440.804.583	413.927.256	55.614.057
Thuế thu nhập cá nhân	601.317.549	601.317.549		
Cộng	683.808.933	1.042.122.132	413.927.256	55.614.057

Trong năm, Công ty có bù trừ thuế TNCN nộp thừa vào thuế GTGT còn thiếu theo Quyết định số 10/QĐ-CTTQU-KDT ngày 05/02/2024 và các thông báo của Cục Thuế tỉnh Tuyên Quang số tiền 443.174.567 VND.

10. Phải trả khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngắn hạn		
Các khoản phải trả, phải nộp khác	954.346.499	2.514.379.783
- Cục thuế tỉnh Tuyên Quang		150.018.074
- Khối XSKT Miền Bắc	157.128.474	1.660.456.049
- Phải trả hoa hồng đại lý	797.218.025	703.905.660
Phải trả khác (dư nợ)	5.680	25.081.033
Cộng	954.352.179	2.539.460.816
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	673.500.000	667.000.000
Cộng	673.500.000	667.000.000

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT TUYÊN QUANG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Dự phòng phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>a) Ngắn hạn</i>		
Dự phòng rủi ro trả thường	3.936.247.778	5.264.081.578
Cộng	3.936.247.778	5.264.081.578

12. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	9.000.000.000	3.000.000.000		12.000.000.000
Tăng vốn trong năm trước	3.000.000.000 (*)			3.000.000.000
Lãi trong năm trước			1.236.255.551	1.236.255.551
Trích lập các quỹ			(1.236.255.551)	(1.236.255.551)
Giảm khác		(3.000.000.000)		(3.000.000.000)
Số dư đầu năm nay	12.000.000.000			12.000.000.000
Lãi trong năm nay			1.705.657.150	1.705.657.150
Tăng vốn trong năm nay				
Trích lập các quỹ (**)			(1.705.657.150)	(1.705.657.150)
Giảm khác				
Số dư cuối năm nay	12.000.000.000			12.000.000.000

(*) Công ty tăng vốn theo Quyết định số 1250/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt vốn điều lệ và bổ sung vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Tuyên Quang.

(**) Công ty tạm trích và hạch toán các quỹ theo Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ. Số tạm trích phân phối lợi nhuận của năm nay là: 1.705.657.150 VND, trong đó:

+ Trích quỹ khen thưởng:	712.672.900
+ Trích quỹ phúc lợi:	398.840.000
+ Chuyển sang phải nộp NSNN:	594.144.250

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước	12.000.000.000	12.000.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác		
Cộng	12.000.000.000	12.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	12.000.000.000	9.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm		3.000.000.000
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn góp cuối năm	12.000.000.000	12.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia, phân phối	1.705.657.150	1.236.255.551

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT TUYÊNG QUANG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm nay	Năm trước
1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu kinh doanh Xổ số	77.600.436.365	69.862.077.270
+ Xổ số truyền thống	8.833.827.272	8.188.018.182
+ Xổ số bóc	2.318.118.181	1.954.545.454
+ Xổ số lô tô	46.972.518.183	42.574.977.271
+ Xổ số lô tô 3/23	1.315.272.728	960.554.545
+ Xổ số lô tô cặp số	18.160.700.001	16.183.981.818
Doanh thu kinh doanh khác	3.951.132	3.952.526
Cộng	77.604.387.497	69.866.029.796
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		
Giảm trừ doanh thu kinh doanh xổ số (Thuế tiêu thụ đặc biệt)	10.121.796.050	9.112.444.869
+ Xổ số truyền thống	1.152.238.340	1.068.002.369
+ Xổ số bóc	302.363.241	254.940.713
+ Xổ số lô tô	6.126.850.200	5.553.257.907
+ Xổ số lô tô 3/23	171.557.312	125.289.726
+ Xổ số lô tô cặp số	2.368.786.957	2.110.954.154
Giảm trừ doanh thu khác		
Cộng	10.121.796.050	9.112.444.869
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu kinh doanh Xổ số	67.478.640.315	60.749.632.401
+ Xổ số truyền thống	7.681.588.932	7.120.015.813
+ Xổ số bóc	2.015.754.940	1.699.604.741
+ Xổ số lô tô	40.845.667.983	37.021.719.364
+ Xổ số lô tô 3/23	1.143.715.416	835.264.819
+ Xổ số lô tô cặp số	15.791.913.044	14.073.027.664
Doanh thu kinh doanh khác	3.951.132	3.952.526
Cộng	67.482.591.447	60.753.584.927
4. Chi phí kinh doanh		
Chi phí kinh doanh xổ số	54.431.906.945	48.549.179.814
- Chi phí trả thưởng	44.481.136.153	39.804.135.490
- Chi phí trực tiếp phát hành xổ số	9.950.770.792	8.745.044.324
Cộng	54.431.906.945	48.549.179.814
5. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	559.001.502	924.468.238
Cộng	559.001.502	924.468.238
6. Thu nhập khác		
Thu nhập làm đại lý Vietlott	14.914.000	3.291.200
Thu nhập sau kiểm kê		184.355.895
Thu vé hồng	55.000.000	11.256.773
Các khoản khác	6.969.500	
Cộng	76.883.500	198.903.868
7. Chi phí khác		
Chi phúc lợi, ủng hộ	50.030.972	61.819.437
Các khoản bị phạt	7.530.212	19.181.531
Các khoản khác	1.370.110	31.619.090
Cộng	58.931.294	112.620.058

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT TUYỀN QUANG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
8. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
<i>8a. Chi phí bán hàng</i>		
<i>8b. Chi phí quản lý doanh nghiệp</i>		
Chi phí nhân viên quản lý	6.711.946.392	7.085.519.918
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.254.262.239	1.193.972.480
Chi phí khấu hao TSCĐ	558.643.083	563.980.134
Thuế, phí và lệ phí	228.923.047	221.943.031
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.124.090.575	2.031.925.512
Chi phí bằng tiền khác	574.093.333	543.441.588
Cộng	11.451.958.669	11.640.782.663
9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (1)	2.146.461.733	1.573.453.951
<i>Các khoản điều chỉnh tăng (2)</i>	<i>57.561.184</i>	<i>112.538.049</i>
- Các khoản khác	57.561.184	112.538.049
Tổng lợi nhuận tính thuế (3)=(1)+(2)	2.204.022.917	1.685.992.000
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (4)	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (5)=(3)*(4)	440.804.583	337.198.400
10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí nhân viên quản lý	6.711.946.392	7.085.519.918
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.254.262.239	1.193.972.480
Chi phí khấu hao TSCĐ	558.643.083	563.980.134
Thuế, phí và lệ phí	228.923.047	221.943.031
Chi phí dịch vụ mua ngoài	46.820.027.139	42.594.474.723
+ <i>Chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	<i>2.124.090.575</i>	<i>2.031.925.512</i>
+ <i>Chi phí trả thưởng</i>	<i>44.481.136.153</i>	<i>39.804.135.490</i>
+ <i>Chi phí trực tiếp phát hành xổ số</i>	<i>214.800.411</i>	<i>758.413.721</i>
Chi phí bằng tiền khác	9.039.562.447	8.530.072.191
+ <i>Chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	<i>574.093.333</i>	<i>543.441.588</i>
+ <i>Chi phí trực tiếp phát hành xổ số</i>	<i>8.465.469.114</i>	<i>7.986.630.603</i>
Cộng	64.613.364.347	60.189.962.477

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Năm nay	Năm trước
1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		
Số lãi thực tế thu được trong kỳ	557.690.988	982.841.887
Số lãi dự thu năm trước nhập gốc năm nay	45.074.659	108.083.732
Số lãi nhập gốc năm nay	512.616.329	873.198.696
Số lãi dự thu trong năm	45.074.659	49.710.083
Cộng	1.160.456.635	2.013.834.398

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin với các bên liên quan

<i>Thu nhập đã chi trả trong năm</i>	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Ban Giám đốc và Kế toán trưởng		935.268.191	898.869.426
Ông Vương Trọng Khánh	Giám đốc	353.509.227	362.090.387
Ông Lê Sơn Đông (bổ nhiệm từ ngày 01/07/2022)	Phó Giám đốc	303.018.582	305.731.659
Ông Lương Việt Hân (bổ nhiệm từ ngày 03/03/2023)	Kế toán trưởng	278.740.382	231.047.380
Ban kiểm soát		51.840.000	33.310.643
Bà Nguyễn Thị Thu Hà (bổ nhiệm lại từ ngày 19/06/2023)	Kiểm soát viên	51.840.000	33.310.643
Cộng		987.108.191	932.180.069

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT TUYÊN QUANG**Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024***Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)***2. Thông tin về hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết Tuyên Quang đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế PNT và điều chỉnh theo kết quả kiểm tra bởi Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang tại Quyết định số 244/QĐ-UBND ngày 16/07/2024. Phê duyệt quỹ lương bởi Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang và Biên bản ngày 19/07/2024 của Sở Tài chính về việc phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện năm 2023 của người lao động.

Theo đó, một số số liệu đã thay đổi so với số liệu ngày 31/12/2023 tại Báo cáo tài chính đã được kiểm toán, cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Số tài khoản	Số liệu tại ngày 01/01/2024 trên BCKT năm 2024	Số liệu tại ngày 31/12/2023 trên BCKT năm 2023	Chênh lệch
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)-(4)
Bảng cân đối kế toán				
Tài sản ngắn hạn		14.874.311.997	14.776.778.481	97.533.516
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	333	683.808.933	586.275.417	97.533.516
Tổng Tài sản		24.588.592.628	24.491.059.112	97.533.516
Nợ phải trả		12.588.592.628	12.491.059.112	97.533.516
Phải trả người lao động	334	754.424.519	195.637.271	558.787.248
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	131	995.759.444	980.717.312	15.042.132
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	333	1.377.195.613	1.408.554.534	(31.358.921)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	353	851.481.067	1.296.418.010	(444.936.943)
Tổng Nguồn vốn		24.588.592.628	24.491.059.112	97.533.516
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
Chi phí quản lý doanh nghiệp	642	11.640.782.662	11.081.995.415	558.787.247

Tuyên Quang, ngày 12 tháng 01 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

[Signature]
Nga Lê Nga

[Signature]
Lương Việt Hậu



[Signature]
Vương Trọng Khánh